

BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ

ĐỒNG NAI NĂM 2016

Câu 1: Hãy nêu tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương, phường, xã nơi bạn đang ở.

Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập làm theo.

Câu 2: Hãy tường thuật sự kiện hoặc kể lại câu chuyện có thật mà bạn tâm đắc nhất trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng tỉnh Đồng Nai.

.....

LỜI NÓI ĐẦU

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng, trong tiến trình lịch sử của dân tộc, phẩm chất anh hùng, bất khuất ấy luôn ngời sáng, là sức mạnh đánh bại mọi kẻ thù xâm lược. Dân tộc Việt Nam đã làm cuộc cách mạng Tháng Tám thành công; lập nên Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, tiến hành thắng lợi những cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và đế quốc Mỹ, giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc, viết nên bản hùng ca vĩ đại của thời đại.

Đồng Nai là một tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ có vị trí chiến lược trọng yếu về quân sự và kinh tế. trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mảnh đất này là nơi diễn ra nhiều cuộc đấu tranh liên tục giữa ta và địch. Những địa danh lịch sử như: Chiến khu Đ, chiến khu rừng sác, chiến thắng La Ngà, sân bay Biên Hòa, Xuân Lộc... gắn liền với những chiến công vang dội, là niềm tự hào của quân dân Đồng Nai và cả nước.

*Cũng trên mảnh đất Đồng Nai yêu quý này đã sản sinh ra hàng nghìn, hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào đồng chí kiên trung bất khuất, một lòng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân mà tên tuổi của họ đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc như một điểm son ngời sáng, góp phần xứng đáng vào bản hùng ca của dân tộc. Nhiều vị anh hùng dũng sĩ đã dũng cảm vô song trong chiến đấu, cần cù sáng tạo, vượt mọi khó khăn gian khổ, là những tấm gương điển hình, sinh động về phẩm chất anh hùng bất khuất của quê hương miền Đông “**gian lao mà anh dũng**” trong đó có nhà thơ, chiến sĩ **Huỳnh Văn Nghệ** và Ông đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền tỉnh Đồng Nai chọn đặt tên đường Huỳnh Văn Nghệ thuộc phường Bửu Long thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai và nơi này gia đình em ở sinh sống học tập, làm việc.*

Con đường này sẽ mãi là niềm tự hào của người dân phường Bửu Long thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai nói riêng và nhân dân cả nước nói chung.

Để hoàn thành Bài viết tham gia dự thi này em xin gửi lời cảm ơn đến Ban Giám đốc, các cô chú ở Bảo tàng Đồng Nai đã tạo mọi điều kiện, hỗ trợ cung cấp tư liệu.

Chân thành cảm ơn.



Huỳnh Văn Nghệ (1914-1977)

(ảnh tư liệu Bảo tàng Đồng Nai)

I/ TIỂU SỬ HUỲNH VĂN NGHỆ:

1/ Tiểu sử:

Cha của ông **Huỳnh Văn Nghệ** là ông **Huỳnh Văn Tồn**, từng học võ và biết chữ Nho, sống bằng nghề đi săn, nhưng có lúc phải đi làm mướn (cưa gỗ) để sinh kế. Là một người khảng khái, mặc dù chính quyền thực dân cấm, ông Tồn vẫn lén lút dạy võ cho thanh niên trong làng và từng được hương chức làng mời ra làm hương tuần nhưng ông Tồn không nhận. Mẹ ông là bà Đoàn Thị Hiên, sinh năm Canh Thìn (1880), làm nghề gánh hàng bán cau khô, vải, nước mắm, thường đi chợ Tân Uyên để mua hàng về bán cho các làng lân cận như Tân Hòa, Mỹ Lộc...

Huỳnh Văn Nghệ là con thứ 7 trong gia đình nên còn gọi là Tám Nghệ. Trừ 2 người đầu mất tích do bão lũ năm 1903, và người thứ ba và thứ sáu mất sớm, ông có một người anh thứ tư (Năm Thọ) và người chị thứ năm (Sáu Yển) và 2 người em út (Chín Lương và Mười Mẫn). Như thông tục thời bấy giờ, ông còn được cha mẹ gọi là Ngô hoặc Ngãi



Gia đình Huỳnh Văn Nghệ

(ảnh tư liệu Bảo tàng Đồng Nai)

Tuy nhà nghèo, nhưng ông được hưởng một nền giáo dục rất tốt, được cha dạy dỗ về căn bản cả văn lẫn võ, được gia đình chăm lo ăn học đến nơi đến chốn. Ông được cho đi học bậc tiểu học tại làng Mỹ Lộc, quận Tân Uyên và học rất giỏi. Năm 1928, sau khi tốt nghiệp bậc tiểu học, ông đã giành được học bổng bậc trung học của Trường Petrus Ký. Sau khi lên Sài Gòn học ít lâu, cha ông tử nạn bởi bị rắn độc cắn. Toàn bộ gia đình ông trông nhờ vào người mẹ buôn bán nhỏ và người anh làm thầy giáo ở quê nhà.

Huỳnh Văn Nghệ (bí danh Hoàng Hồ) sinh ngày 02/02/1914 nhằm ngày mùng Tám tháng Giêng năm Giáp Dần, tại làng Tân Tịch, tổng chánh Mỹ Hạ, tỉnh Biên Hòa, nay là xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, bên kia bờ sông Đồng Nai thân thuộc. Từ một vùng quê nghèo, bình dị, lớn lên, Huỳnh Văn Nghệ trở thành “vị tướng” trong lòng người dân miền Đông Nam Bộ và nhà thơ của đất Đồng Nai với nhiều tác phẩm khá nổi tiếng. Nhiều người dân Nam Bộ yêu kính và trù mến gọi ông là "Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ".

Tên tuổi ông được ghi trong sách Trí thức Sài Gòn - Gia Định, được đưa vào Từ điển danh nhân Việt Nam, Từ điển thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh, được đặt tên cho trường học ở Tân Uyên, nơi vùng đất chiến khu Đ năm xưa và một số đường phố ở tỉnh Bình Dương, thành phố Biên Hòa và Tp HCM.

Huỳnh Văn Nghệ sinh ra và lớn lên ở một vùng quê nghèo nhưng giàu truyền thống chống giặc ngoại xâm. Cha ông là thầy dạy võ can trường, tuy bị quan lại ngăn cấm nhưng vẫn bí mật dạy võ cho thanh niên, bảo vệ người nghèo, chống áp bức bất công.

Là người thông minh học giỏi nên Huỳnh Văn Nghệ được nhận học bổng tại Trường trung học Pétrus Ký Sài Gòn (nay là Trường THPT Lê Hồng Phong) và sớm giác ngộ, tham gia các hoạt động cách mạng.

Từ năm 1932, ông luôn tìm cách giúp đỡ, bênh vực người nghèo, chống giặc Pháp xâm lược và bọn tay sai. Huỳnh Văn Nghệ tích cực tìm đến với cách mạng và đã được tuyên truyền về Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi giác ngộ và tham gia vào các hoạt động do Đảng lãnh đạo.

Những năm 1936-1939, ông tham gia phong trào Đông Dương đại hội ở Sở Xe lửa Sài Gòn. Năm 1940, tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ. Cuộc khởi nghĩa thất bại, giặc Pháp điên cuồng đàn áp những người cộng sản, một số phải rút về rừng Tân Uyên hoạt động, ông lo việc tiếp tế đạn dược, thuốc men cho số đồng chí này.

Năm 1942, bị lộ, ông phải trốn sang Thái Lan và hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước. Tại đây, ông tổ chức xuất bản tờ báo Hồn cố hương, kêu gọi kiều bào hướng về Tổ quốc, ủng hộ cách mạng.

Năm 1944, Huỳnh Văn Nghệ về nước, bắt liên lạc với cách mạng và được đồng chí Trần Văn Giàu, Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ phân công lập căn cứ Đất Cuốc tại

Tân Uyên, Biên Hòa, được kết nạp Đảng, lập Đoàn Cựu binh sĩ và tham gia Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, trực tiếp tham gia chỉ huy cướp chính quyền ở Biên Hòa.



Thị Tướng Huỳnh Văn Nghệ

(ảnh tư liệu Bảo tàng Đồng Nai)

Tự tay ông đã bắt tên cò Phước, tinh trưởng Quý, tòa Nhan ở Biên Hòa, giải phóng tù chính trị bị chính quyền Nhật giam giữ.

Tại hội nghị Chợ Đệm, Ủy ban nhân dân Nam Bộ bổ nhiệm Huỳnh Văn Nghệ làm cố vấn Ủy ban kháng chiến miền Đông. Mặc dù ban Ủy này đã rút lui trước về Biên Hòa, Xuân Lộc cùng với nhiều đơn vị như Đệ nhị sư đoàn, Cộng hòa vệ binh, bộ đội Nam Long, nhưng khi giặc Pháp lấn chiếm ra các vùng ngoại vi Sài Gòn - Gia Định, ông đã ở lại tham gia chiến đấu tại các mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn, Thị Nghè, đường số 1 (từ Sài Gòn đi Biên Hòa), Bãng Ky, Bình Lợi, Thủ

Đức... chặn bước tiến của giặc về miền Đông Nam Bộ. Sau đó, ông tổ chức đốt Tòa bố, Sở cò, Bưu điện Biên Hòa, thu 23 khẩu súng trường, đem về Tân Uyên xây dựng lực lượng.

Tại đây, Huỳnh Văn Nghệ tổ chức xây dựng giải phóng quân Biên Hòa và trực tiếp làm chỉ huy trưởng. Căn cứ Tân Uyên được ông bố trí phòng ngự vững chắc, đã đảm nhiệm vai trò bảo đảm hậu cần cho lực lượng vũ trang của tỉnh và các tỉnh bạn theo lệnh của Khu trưởng Nguyễn Bình, đồng thời làm nhiệm vụ bảo vệ Khu bộ, tiếp liệu cho các công binh xưởng của Khu, tích cực tham gia xây dựng các cơ quan quân, dân, chính của tỉnh.

Dưới sự chỉ huy của Huỳnh Văn Nghệ, không bao lâu sau, Tân Uyên trở thành một trong những căn cứ kháng chiến vững mạnh nhất ở Nam Bộ.

Đầu năm 1946, quân Pháp liên tiếp mở các trận tiến công lớn vào chiến khu Tân Uyên - Lạc An (Chiến khu Đ). Ngày 2/1/1946, Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy lực lượng chủ công tham gia trận phản công lớn đầu tiên của Nam Bộ do Khu tổ chức đánh vào thị xã Biên Hòa.

Sau khi tham gia trận Tân Uyên và chỉ huy mặt trận Tân Tịch - Lạc An (2/1946) giành thắng lợi, Huỳnh Văn Nghệ được Khu trưởng Nguyễn Bình chỉ định làm Chi đội trưởng Chi đội 10. Trên cương vị mới trong thời gian 1946-1947, ông đã chỉ huy các đơn vị chiến đấu bảo vệ nhân dân, bảo vệ Khu bộ, các công binh xưởng, phát động chiến tranh du kích, địch vận... góp phần tiêu hao sinh lực địch, mở đầu cho phong trào giao thông chiến ở Nam Bộ, phổ biến kỹ thuật đánh địa lôi điện.

Tháng 3/1948, Huỳnh Văn Nghệ nhận nhiệm vụ Khu bộ phó Khu 7, kiêm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 310.

Ngày 01/3/1948, với cương vị chỉ huy trưởng, ông tham gia trận La Ngà - trận giao thông chiến lớn nhất ở Nam Bộ kể từ ngày giặc Pháp tái chiếm nước ta. Sau trận này, Trung đoàn 310 được Bác Hồ khen thưởng Huân chương Chiến công hạng 2, Trung đoàn trưởng Huỳnh Văn Nghệ được Bác Hồ tặng thưởng một chiếc áo trấn thủ.

Tháng 7/1948, thi hành lệnh của Ủy Kháng chiến hành chính Nam Bộ, trong hoàn cảnh hết sức nguy hiểm, Huỳnh Văn Nghệ một mình đến căn cứ Bình Xuyên, dùng lý lẽ và tình cảm thuyết phục được thủ lĩnh Bình Xuyên lúc bấy giờ là Lê Văn Viễn (Bảy Viễn) về dự hội nghị, giúp Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ giải quyết được “vấn đề Bình Xuyên”, rất gay go lúc bấy giờ.

Cùng thời gian này, ông được bổ nhiệm làm Khu trưởng Khu 7. Trên cương vị mới, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc xây dựng căn cứ mới của Khu, thành lập bộ đội chủ lực Khu 7 (Bộ đội 303). Đặc biệt, ông nghiên cứu, tìm ra cách đánh tháp canh, giải quyết được sự bế tắc về chiến thuật ở Khu 7 lúc bấy giờ.

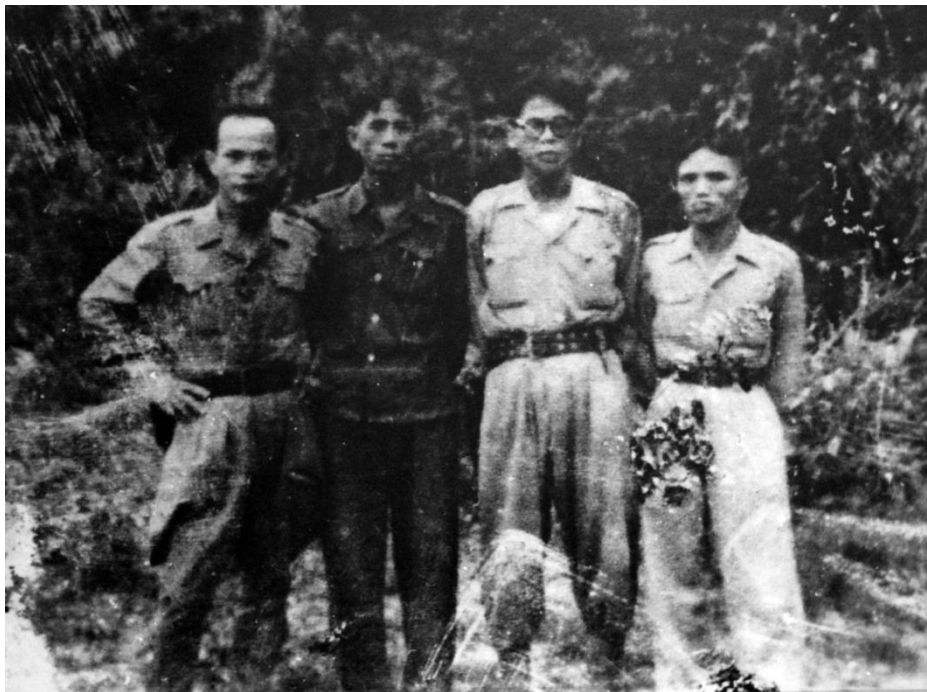
Năm 1950, sau khi sáp nhập Sài Gòn - Chợ Lớn vào Khu 7, ông giữ chức Phó tư lệnh Khu 7. Năm 1951, khi hai tỉnh Thủ Dầu Một - Biên Hòa sáp nhập, ông là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, kiêm Tỉnh đội trưởng Thủ Biên, chỉ huy nhiều trận đánh lớn bảo vệ Bộ Tư lệnh Nam Bộ đóng ở Chiến khu Đ. Năm 1952 (năm Thìn), trong trận lụt “thế kỷ”, ông xông pha chỉ huy chống lụt ở Thủ Biên, bảo vệ được bộ đội và dân.

Sau thảm họa thiên tai đó, lợi dụng tình thế khó khăn của quân dân ta, địch huy động 11 tiểu đoàn tiến công vào Chiến khu Đ. Lực lượng của tỉnh chỉ có một tiểu đoàn nhưng dưới sự chỉ huy tài tình của Huỳnh Văn Nghệ đã anh dũng chiến đấu suốt 52 ngày đêm, tiêu diệt gần một tiểu đoàn địch, phá tan âm mưu của chúng gom dân và tiêu diệt lực lượng ta.



Huỳnh Văn Nghệ và con rể Nguyễn Công Minh tại Tà Thiết

(ảnh tư liệu Bảo tàng Đồng Nai)



**Từ trái qua: Ông Huỳnh Văn Nghệ, Lê Duẩn, Nguyễn Bình,
Đương Quốc Chính ở Chiến khu Đ**

Từ tháng 5/1953 – 1965, ông được cử ra miền Bắc học tập và ở lại công tác gần 12 năm, trải qua các chức vụ: Trưởng Phòng thể dục thể thao, Cục phó Cục Quân huấn thuộc Bộ tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam, Tổng cục phó cục Lâm nghiệp.

Năm 1965, ông được điều về Nam Bộ, lần lượt giữ các chức vụ: Trưởng ban căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Phó Bí thư đảng ủy Ban căn cứ Trung ương Cục Miền Nam. Phó ban Kinh tài và Trưởng ban Lâm nghiệp.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước (1975), ông là Tổng cục trưởng cục Lâm Nghiệp miền Nam, Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp. Ngoài ra, ông còn là một nhà thơ kiệt xuất.

Huỳnh Văn Nghệ qua đời tại thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 3 (nhằm ngày 16 tháng Giêng) năm 1977. Linh cữu của ông được đưa về an táng tại vùng quê Tân Tịch, Tân Uyên. Làng Tân Tịch, cái nôi của cách mạng, hiền hòa, dung dị sau nửa thế kỷ tiễn ông đi nay lại ân cần, ưu ái đón ông về. Không có nhiều nước mắt, chỉ có nỗi ngậm ngùi xót xa không bờ bến của đồng chí, đồng đội và thân nhân; trái tim Huỳnh Văn Nghệ sau bao năm thôn thức đã ngừng đập. Cuộc sống đầy thử thách, nghiệt ngã nhưng cũng đầy lãng mạn, hào hùng của ông đã khép lại dưới nấm mồ sâu với hai câu thơ thanh thản lạ thường:

Gửi lại bạn mấy vần thơ trên cát

Và chiều nay tôi sang bến, lên đò.

Một vần thơ đầy tâm huyết, chất chiu từ trái tim yêu quê hương.

Ngôi mộ nằm bên cạnh sông Đồng Nai mà sinh thời ông thích gọi trong thơ ca của ông là “Dòng sông xanh”.

2/ THÀNH TÍCH:

- Tích cực tham gia cướp chính quyền ở Sài Gòn, Chợ Lớn và miền Đông Nam Bộ.
- Xây dựng lực lượng: xây dựng thành công bộ đội đầu tiên của tỉnh Biên Hòa thành Chi đội 10, trung đoàn 310 là một trong những trung đoàn mạnh nhất ở Nam Bộ 1948, xây dựng Binh Công xưởng tỉnh trở thành một trong những Binh Công xưởng lớn nhất của Nam Bộ.
- Chỉ huy chiến đấu và chỉ đạo phong trào du kích chiến tranh trong tỉnh Biên Hòa từ năm 1945 đến năm 1948 và từ 1951 đến năm 1953 có kết quả tốt. Trực tiếp chỉ huy chiến đấu hơn 20 trận với lực lượng từ một tiểu đoàn đến một E và từ 500 đến 1000 dân quân, du kích đánh những lực lượng địch từ 1000 đến 5000 quân có thủy lục không quân phối hợp.
- Có ý thức xây dựng căn cứ từ đầu kháng chiến, xây dựng chiến khu Đ là một trong những căn cứ mạnh nhất của Nam Bộ từ suốt cuộc kháng chiến, nhiều lần làm căn cứ của khu 7 và Bộ Tư lệnh Nam Bộ, các Binh Công xưởng hai tỉnh Thủ Biên và của khu, của Nam Bộ.
- Tham gia tích cực xây dựng các cơ quan dân chính đảng của tỉnh, đoàn kết quân dân dưới sự lãnh đạo của đảng... giải quyết những khó khăn thiếu thốn của chiến trường...
- Tinh thần, thái độ, tác phong lúc kháng chiến: Chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, bám sát chiến trường, hăng say chiến đấu xây dựng lực lượng, có nhiều sáng kiến, dũng cảm trước mọi hoàn cảnh nguy hiểm khó khăn; có lòng yêu thương chiến sĩ và đồng bào, có uy tín đối với cán bộ, chiến sĩ và đồng bào địa phương.

- Năm 1947 được thư khen của khu ủy khu 7 về thành tích xây dựng Chi đội 10 và chiến đấu sau các trận giao thông chiến Xuân Lộc. Thư này do đồng chí Thuận, Bí thư khu ủy viết tay.
- Sau trận Đồng Xoài 19/12/1947 được Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ viết thư khen.
- Sau trận đánh La Ngà 01/3/1948 được Bộ Tổng Tư lệnh thưởng Huân chương Quân công Hạng III cho toàn đơn vị.
- Tổng Bộ Việt Minh tặng Ông một áo trấn thủ có thêu cờ danh dự do ủy Ban kháng chiến Hành chính Nam Bộ trao trong cuộc Hội nghị 1948.
- Năm 1947 Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam có quyết định tuyên dương công trạng một số cán bộ và chiến sĩ Nam Bộ, tặng Huân chương Độc lập hạng nhất đến Quân công hạng ba.

3/ KỶ VẬT CỦA HUỲNH VĂN NGHỆ:

- **KIẾM:** Thanh kiếm là hiện vật được ông Huỳnh Văn Nghệ sử dụng trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Hiện vật có giá trị lịch sử,



(ảnh chụp Bảo tàng Đồng Nai)

từng gắn bó với người chỉ huy lực lượng vũ trang ở Chiến Khu Đ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). Và những kỷ niệm sâu sắc trong quá trình chiến đấu, ông Huỳnh Văn Nghệ đã giữ lại làm kỷ niệm cho đến khi ông nghỉ hưu. Sau khi ông mất, người con của ông là bà Huỳnh Thị Lan đã trao tặng Bảo tàng Đồng Nai để lưu giữ.

- **ĐỒNG HỒ ĐEO TAY:** Đây là hiện vật dụng sử dụng trong sinh hoạt và thực hiện trong công tác hàng ngày. Sau ngày giải phóng miền Nam (1975), chiếc đồng hồ đeo tay vẫn được ông cất giữ cẩn thận làm vật kỷ niệm tại chiến trường. Sau khi ông qua đời, người con của ông là bà Huỳnh Thị Lan trao tặng Bảo tàng Đồng Nai lưu giữ.



(ảnh chụp ở Bảo tàng Đồng Nai)



(ảnh chụp ở Bảo tàng Đồng Nai)

người đứng đầu chỉ huy lực lượng vũ trang ở chiến Khu Đ.

- **ĐÀI CATSET:** Hiện vật của ông Huỳnh Văn Nghệ, sử dụng sinh hoạt cá nhân ở chiến trường Chiến khu Đ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Hiện vật có giá trị lịch sử, gắn bó với



- **BĂNG CATSET:** Đây là hiện vật gắn liền về đời sống tinh thần hằng ngày của ông. Chiếc băng dùng để nghe đài gắn với quá trình sinh hoạt tại chiến trường trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cho đến hoạt động công tác sau này.
- **SÚNG NGẮN:** Khẩu súng được ông Huỳnh Văn Nghệ sử dụng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). Hiện vật có giá trị lịch sử, đã từng gắn bó với người chỉ huy lực lượng vũ trang ở Chiến Khu Đ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Và những kỷ niệm

sâu sắc trong quá trình chiến đấu, ông Huỳnh Văn Nghệ đã giữ lại làm kỷ niệm. Sau khi ông qua đời, người con của ông là bà Huỳnh Thị Lan đã trao tặng Bảo tàng Đồng Nai lưu giữ.



(ảnh chụp ở Bảo tàng Đồng Nai)

- **DỤNG CỤ CẠO RÂU:**

Bộ dụng cụ cạo râu là hiện vật từng gắn bó trong đời sống cá nhân của ông Huỳnh Văn Nghệ ở chiến Khu Đ và trong sinh hoạt cá nhân sau này. Hiện vật có giá trị lịch sử, gắn bó



(ảnh chụp ở Bảo tàng Đồng Nai)

với một chỉ huy cấp cao lực lượng vũ trang ở Chiến Khu Đ, đồng thời qua hiện vật thấy rõ được cảnh cuộc sống sinh hoạt khó khăn ở chiến Khu Đ thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

- **RĂNG CỌP BA MÓNG:**

Đây là hiện vật mang giá trị lịch sử. Cọp ba móng đã giết chết bao nhiêu tính mạng, gây nên sự đau khổ của bao người thân.



(ảnh chụp ở Bảo tàng Đồng Nai)

Giết được cọp ba móng là một công lao vô cùng lớn của công binh xưởng Khu 7, đã làm cho Chiến khu trở thành yên bình. Cọp ba móng đã trở thành huyền thoại đi vào sử sách. Cọp ba móng là minh chứng cho thực tế hoàn cảnh sống khắc nghiệt của quân và dân ta trong căn cứ chiến Khu Đ. Hiện vật răng cọp ba móng giới thiệu để góp phần giáo dục thế hệ trẻ hiểu biết hơn về truyền thống vượt khó, quyết tâm trong kháng chiến của các chiến sỹ và nhân dân ta ý thức trách nhiệm bảo vệ đất nước hiện nay.

Sau khi cọp bị giết chết, răng cọp được các đồng chí ở Binh công xưởng gửi tặng đồng chí Huỳnh Văn Nghệ - nguyên là Tư lệnh quân Khu 7. Sau khi ông Huỳnh Văn Nghệ qua đời gia đình vẫn giữ cẩn thận và thông qua gia đình ông Nguyễn Văn Chút trao tặng Bảo tàng Đồng Nai lưu giữ.

II/ NHỮNG HÀNH ĐỘNG, ĐỨC TÍNH CỦA NHÂN VẬT CẦN HỌC TẬP LÀM THEO:

*Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ đã yên nghỉ, những điều thuộc về ông vẫn được vun đắp trong lòng người dân Biên Hòa, Đồng Nai. Ông luôn là tấm gương tỏa sáng để các lớp thế hệ con cháu mai sau học tập và noi gương.

Huỳnh Văn Nghệ đã “qua bến, lên đường”, nhưng mãi mãi ông còn để lại cho người đời ngưỡng mộ, lòng kính yêu. Sinh thời ông còn tham gia hoạt động báo chí, văn hóa, văn nghệ, sáng tác thơ, văn động viên cuộc chiến đấu của nhân dân, kiều bào ở Thái Lan, chiến sĩ trong chiến khu. Ông cũng lưu lại một số tác phẩm văn, thơ, tuy không nhiều nhưng giúp chúng cháu hiểu thêm về quê hương, gia đình, cuộc đời binh nghiệp, văn nghiệp của ông; hiểu thêm một phần cuộc chiến đấu gian khổ, trường kỳ, oanh liệt của nhân dân ở một góc vùng đất đỏ Đông Nam Bộ, như “Quê hương rừng thẳm sông dài, Những ngày sóng gió, Anh chín Quỳ, Trận mãng xà, Sáu đỏ mũi, Tiếng hát trên sông Đồng Nai, Chùa Ông Mõ, Mất đồn Mỹ Lộc (văn); Mộng làm thơ, Đám ma nghèo, Trăng lên, Trốn học, Tết quê người, Bốn mùa, Trả lời thơ Lan, Bến cũ, Bà bán cau, Thú tội, Mộ bia, Lời chim, Sông Đồng Nai, Bên bờ sông xanh, Mất Tân Uyên, Xuân chiến khu, Mẹ Nam con Bắc, Tiếng hát giữa rừng, Nhớ Bắc, Bà Mẹ Việt Nam, Rừng nhớ người đi, Em bé liên lạc, Cái chết của anh Xiểng, Tình súng, Chiến khu Đ chống bão, Giữ bí mật, Hình ảnh Bác Hồ trong Nam bộ, Trở về, Rừng đẹp... và những bài hồi ký đăng trên báo Quân đội nhân dân, Văn nghệ Quân đội... đó là những bài thơ bất hủ chúng cháu cần suy ngẫm và học tập.

*Cuộc đời và sự nghiệp Huỳnh Văn Nghệ trải dài qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, nhưng có lẽ quãng đời binh nghiệp trong thời kỳ 9 năm kháng chiến chống Pháp của ông gắn bó với chiến khu Đ là oai hùng, rạng rỡ nhất.

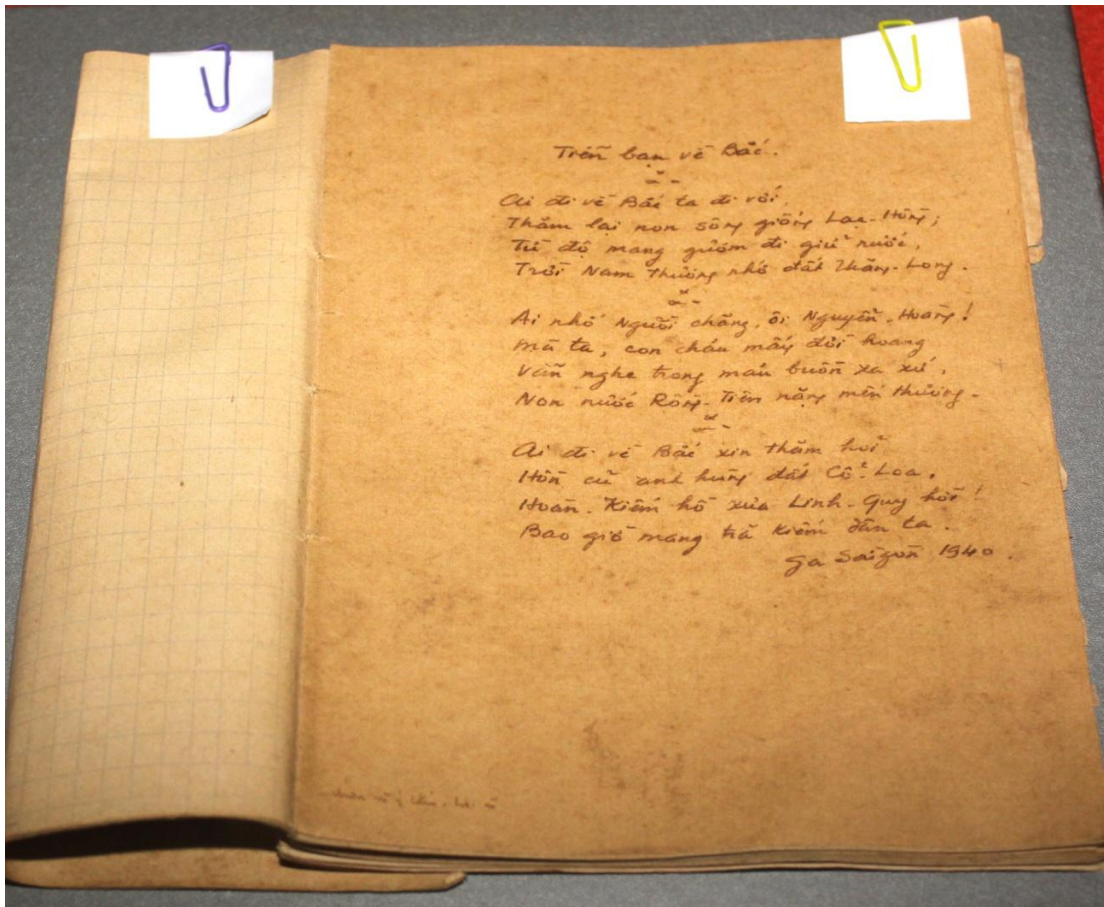
Một Huỳnh Văn Nghệ nhà thơ, chiến sĩ, với trái tim thiết tha yêu thương từng sinh mạng con người, yêu thương cùng tác đất, con đường từng xóm làng quê hương; Một Huỳnh Văn Nghệ với lòng căm thù giặc sâu sắc, đã đồng cam cộng khổ cùng đồng bào, đồng chí chiến đấu như một nghĩa quân trên từng mặt trận ngăn chống giặc Pháp khi kẻ thù xâm lược tiến đánh ra ngoài vi Sài Gòn, đã gom góp toàn quân bởi buổi đầu quân dân ta sức yếu thế cô, bị giặc Pháp tàn sát, để xây dựng lực lượng vũ trang, đã sáng suốt xây dựng căn cứ kháng chiến từ quê nhà Tân Uyên, Biên Hòa, một vùng đất có nhiều ưu thế về điều kiện tự nhiên, nơi có vị trí chiến lược quan trọng, nhân dân có truyền thống kháng chiến, đến xây dựng căn cứ kháng chiến liên tỉnh Thủ Biên, căn cứ kháng chiến Khu 7, tham gia xây dựng căn cứ kháng chiến chiến khu Đ, tham gia cùng lãnh đạo tỉnh Biên Hòa, Bộ Tư lệnh Khu 7 xây dựng lực lượng vũ trang với ba thứ quân: chủ lực, địa phương và dân quân du kích, chỉ huy bộ đội chiến đấu chống giặc Pháp vô cùng anh dũng trên khắp chiến trường miền Đông Nam bộ. Từ thực tiễn sáng tạo đã đúc kết nhiều bài học đầu tiên cho quân đội về các chiến thuật tác chiến, lập nhiều thành tích vẻ vang. Một Huỳnh Văn Nghệ dũng tướng, sống có tình, có nghĩa với gia đình anh em đồng chí, trước sự quả cảm, kiên cường chịu đau của chiến sĩ mình trong hoàn cảnh cách mạng khó khăn thiếu thốn, khi phải cưa bỏ cái chân bị thương bằng cưa thợ mộc:

*“Trở lên mình ngựa đi từng bước
Cúi đầu nén nỗi đau thương
Nhưng lửa căm hờn
Bồng dựng cao đầu ngựa dậy
Vang trời ngựa hí
Chí phục thù cháy bỏng tay cương”*

* Huỳnh Văn Nghệ mưu lược, văn võ song toàn, xông pha trận mạc, tả xung, hữu đột, quân thù nghe danh bạt vía kinh hồn nhưng đồng chí, đồng bào, đồng đội luôn luôn hướng về ông với lòng yêu thương, cảm phục và đồng chí, đồng đội vẫn thân thiết gọi anh là anh Tám Nghệ. Bởi lẽ, cuộc đời ông đã khắc họa trong lòng nhân dân Nam bộ một hình ảnh tuyệt đẹp của viên dũng tướng thi nhân. Người dân Nam Bộ vẫn tôn vinh ông với một danh từ dễ thương “Thi Tướng Huỳnh văn Nghệ”. Và có lẽ nhắc tới “Thi Tướng huỳnh Văn Nghệ” chắc không ai trong chúng ta không nhớ tới hai câu thơ bất hủ trong bài thơ “Nhớ Bắc” ông cảm tác năm 1940, tại sân ga Sài Gòn:

“Tù độ grom đi giữ nước

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long”.



(ảnh chụp ở Bảo tàng Đồng Nai)

*Văn Miếu Trấn Biên – nơi tôn vinh hương hồn của những vị anh hùng đã khuất, và đây cũng là nơi mà Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ đang yên nghỉ. Một bức tượng được tạc bằng đá nằm ngay cạnh bờ hồ, hướng mặt ra hồ nước trong xanh, với vườn hoa tỏa ngát mùi thơm, một bức tượng người anh hùng đang cỡi ngựa với nét mặt nghiêm trang ngoái đầu nhìn về quê hương đất nước.

Ông đặt trọn tình yêu quê hương đất nước trong từng chiến công, trong từng trận đánh và trong từng câu thơ... Vì vậy mà ông đã được Nhà nước, quân và dân Biên Hòa tôn thờ kính trọng; cảm ơn các Cô Chú lãnh đạo tỉnh Đồng Nai tri ân bằng những việc làm cụ thể cho những vị anh hùng có công với đất nước, một nghĩa cử cao đẹp “*uống nước nhớ nguồn*” một việc làm để chúng cháu học tập ở Ông và các cô chú; đồng thời là điểm đến tham quan học tập truyền thống đấu tranh chống giặc, để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam và



(ảnh chụp ở Bảo tàng Đồng Nai)

báo cáo kết quả thành tích trong học tập. Ông là vị tướng mãi mãi trong lòng nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng và nhân dân cả nước nói chung.

Em rất tự hào khi được sinh ra lớn lên sống và học tập trên mảnh đất Đồng Nai đầy hào khí anh hùng. Trên con đường này, hằng ngày em được mẹ chở đi học, em cảm thấy rất tự hào và học tập về một vị anh hùng thể hiện khí phách hiên ngang bất khuất của vị dũng tướng, ông đúng là nhân tài, một ngôi sao sáng của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Con đường mang tên Huỳnh Văn Nghệ tuy giản dị

thế thôi nhưng ẩn chứa cả một giá trị tinh thần dân tộc, mang ý nghĩa rất sâu sắc về vị tướng tài ba Huỳnh Văn Nghệ cống hiến cho mảnh đất Đồng Nai, ở ông em tự nhủ với lòng mình cố gắng học ở ông thật nhiều điều như về đạo đức tác phong, giản dị, bao dung, giàu lòng nhân ái..., phải cố gắng vượt mọi khó khăn hoàn thành tốt trong học tập để không phụ lòng cha mẹ, ông bà. Luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, yêu quê hương, xây dựng đất nước, giữ gìn đường phố luôn sạch đẹp, môi trường tươi xanh và nhiều bóng mát. Con đường này sẽ mãi là niềm tự hào của người dân phường Bửu Long thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai nói riêng và nhân dân cả nước nói chung.

Hôm nay, khi viết bài này để tham gia dự cuộc thi Tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai năm 2016, em là một học sinh lớp 9/9 của trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo xin được phép kính cẩn nghiêng mình trước vong linh người đã khuất, xin tỏ lòng thom thảo của thế hệ tương lai của chúng cháu, chúng cháu của ông đang sẵn sàng sống học tập, lao động và cống hiến hết mình cho quê hương đất nước, noi gương ông - một vị danh nhân văn, võ song toàn của quân dân Biên Hòa, Đồng Nai nói riêng, tiếp bước cha anh góp phần xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu mạnh. Nguyên xin hứa ra sức học tập thật tốt, lao động để xứng đáng với các vị anh hùng đã cống hiến cả cuộc đời và sự nghiệp cho đất nước, để chúng em ngày hôm nay có được một nước độc lập thống nhất; đầy đủ điều kiện tốt nhất trong cuộc sống và học tập nhằm góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy truyền thống yêu nước, di sản văn hóa của tỉnh Đồng Nai ngày càng văn minh giàu đẹp./.

Câu 2; Hãy tường thuật sự kiện hoặc kể lại câu chuyện có thật mà bạn tâm đắc nhất trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng tỉnh Đồng Nai.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã trở thành sự kiện chính trị trọng đại trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. Với những người đã trực tiếp tham gia chiến dịch và chứng kiến khí thế tiến công hào hùng của quân và dân ta thì đó là những ngày tháng lịch sử không thể nào quên với ấn tượng sâu đậm không thể nào phai trong ký ức.

Cách đây 40 năm, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân ta đã giành toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, bản hùng ca về những con người, những chiến dịch huyền thoại... vẫn ngân vang cùng bài ca đất nước. Để tạo nên chiến thắng ấy là một tư tưởng chỉ đạo chiến lược đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam khi thời cơ đến trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là tư tưởng “*thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*”. Đây là thắng lợi của niềm tin, của công lý, là thành quả đấu tranh gian khổ, lâu dài với bao hy sinh, mất mát của dân tộc. Càng tự hào về thành quả vĩ đại của cách mạng, chúng ta càng khắc ghi trong tim những hy sinh to lớn của bao thế hệ đồng chí, đồng bào, cán bộ, chiến sỹ, đảng viên, của các anh hùng liệt sỹ, của bao nam, nữ thanh niên đã cống hiến trọn tuổi thanh xuân, để cho đất nước Việt Nam hôm nay nở hoa kết trái và niềm tự hào.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Xuân Lộc- Long Khánh luôn là một trong những trọng điểm “bình định” của Mỹ Ngụy ở miền Đông nam Bộ.

Sau chiến dịch giải phóng tỉnh Phước Long (06/01/1975) TW Đảng quyết định mở chiến dịch giải phóng miền Nam, mở đầu là chiến dịch Buôn Ma Thuột.

Mất Tây Nguyên, duyên hải miền Trung, nguy cơ thất bại của địch là không tránh khỏi. Địch liên tục di tản, sau đó tập trung lực lượng về cố thủ, lập phòng tuyến thép từ Phan Rang tới Xuân Lộc để bảo vệ cơ quan đầu não của chúng ở Sài Gòn.

Chính vì thế trong kháng chiến chống Mỹ, nguy quyền Sài Gòn đã lập tỉnh Long Khánh và chọn thị xã Long Khánh làm tỉnh lỵ, xây dựng Long Khánh thành trung tâm quân sự, nơi đóng quân của nhiều căn cứ quân sự và cơ quan đầu não của Mỹ - nguy. Vào cuối cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thị xã Long Khánh trở thành chiến trường vô cùng ác liệt, địch xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc với lực lượng mạnh nhất của Quân đoàn 3 nhằm bịt kín cửa ngõ vào sát Sài Gòn. Ta tập trung quân đoàn 4 cùng các lực lượng địa phương mở chiến dịch Xuân Lộc, quyết phá vỡ tuyến phòng thủ cuối cùng của địch.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo “ *Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*” của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định mở chiến dịch Xuân Lộc.

Tham gia chiến dịch Xuân Lộc gồm có các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Tư lệnh và Chính ủy Quân khu 7.

Đúng 5 giờ 40 phút ngày 9/4/1975 chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu, sau các đợt pháo bắn tập trung vào các mục tiêu trong thị xã, chỉ sau 1 giờ quân cách mạng đã chiếm lĩnh được Ty cảnh sát, dinh tỉnh trưởng, khu cố vấn Mỹ, trụ sở tình báo CIA ở nội ô Thị xã Long Khánh và đạt nhiều thắng lợi.

Ngày 12/4/1975 lữ đoàn dù số 1 con át chủ bài của Nguy được tung vào Xuân Lộc, cũng trong ngày 12/4/1975, hàng trăm lần chiếc máy bay trực thăng đổ lữ đoàn 2 dù xuống nam Tân Phong, con chủ bài của nguy quyền Sài Gòn đã được ném vào Long Khánh.

Sau đó ta mở rộng giải phóng các vùng phụ cận: Chi khu Kiệm Tân, Suối Tre, An Lộc, Cẩm Mỹ...

Ngày 18/4/1975 chuẩn tướng Lê Minh Đảo, tư lệnh sư đoàn 18 ra lệnh “Tùy nghi di tản”. 8 giờ ngày 21/4/1975, nguy quân, nguy quyền chạy và tan rã hoàn toàn sụp đổ, tổng hống Nguyễn Văn Thiệu phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cũng trong thời điểm này, bên kia bờ đại dương tổng thống Mỹ cũng công khai thừa nhận “cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc”.

Trong cơn tuyệt vọng, địch càn điên cuồng, một máy bay của địch loại C 130 được lệnh thực hiện phi vụ tàn sát đẫm máu hơn 200 thường dân ở xã Bảo Vinh bằng bom CBU ném xuống Xuân Lộc cách Thị xã 800 mét về hướng Bắc, với loại vũ khí giết người bằng bức xạ đốt cháy oxy, đã giết hàng ngàn người dân vô tội.

Ngày 21/4/1975, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cũng trong thời điểm lịch sử này, bên kia bờ đại dương tổng thống Mỹ cũng công khai thừa nhận: “Cuộc chiến tranh tại Việt Nam đã kết thúc với Mỹ”.

Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng khẳng định sự sáng suốt lựa chọn điểm trong yếu của địch, chỉ đạo mở chiến dịch tấn công có ý nghĩa toàn cuộc của Trung ương Đảng, Trung ương cục miền Nam, Bộ Tổng tham mưu, Bộ tư lệnh Miền, giúp Trung ương Đảng, Bộ chính trị hạ quyết tâm mở chiến dịch mang tên Bác Hồ- “Chiến dịch Hồ Chí Minh”

Kế hoạch mà Ủy ban cách mạng Biên Hòa cẩn thận giao nhiệm vụ cho các chi bộ là nhanh chóng may cờ; mua máy ghi âm, loa phóng thanh tuyên truyền đến từng địa bàn dân cư về 10 điều của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam kêu gọi binh sĩ quân đội Sài Gòn bỏ súng đầu hàng, lập công chuộc

tội; phát lời kêu gọi của Chủ tịch Ủy ban cách mạng tỉnh Biên Hòa kêu gọi quần chúng nổi dậy cướp chính quyền và tập hợp lực lượng quân dân chính Đảng kết hợp với bộ đội chủ lực tiến công giải phóng Biên Hòa.

Sáng 30-4-1975, lãnh đạo Thành ủy Biên Hòa nhận được lệnh phải đánh chiếm Quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa để mở đường thuận lợi cho Quân đoàn 4 tiến công về giải phóng Sài Gòn. 6 giờ sáng, bà **Trương Thị Sáu**, đảng viên mật của Chi bộ chợ Biên Hòa, đã hạ cờ chính quyền Sài Gòn, kéo cờ Mặt trận ở cột cờ Dinh tỉnh trưởng Biên Hòa báo hiệu cho những chiến thắng giòn giã tiếp theo của quân và dân ta.

Đồng chí Tám Huệ, lúc đó là Bí thư Chi bộ chợ Biên Hòa, đã vận động tiểu thương và nhân dân góp tiền của mua vải và tham gia may cờ Tổ quốc, cờ Mặt trận cỡ lớn để chuẩn bị thay cờ của chế độ Sài Gòn ở Tòa hành chính, dinh tỉnh trưởng, Tỉnh đoàn bảo an địch, Nha cảnh sát miền Đông... Ban ngày, các tiểu thương buôn bán bình thường, đêm đến tổ chức bí mật may cờ tại nhà ông Mười Hậu.

Ngoài ra, Chi bộ chợ Biên Hòa còn may hàng trăm lá cờ cách mạng (loại nhỏ) phân phát cho các chi bộ ở xã và các hộ dân để treo trong ngày giải phóng. Còn xung quanh trụ sở Quân đoàn 3 của địch (nay là Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh), đồng chí Bảy Liên đứng ra vận động nhân dân tham gia may cờ cách mạng.

Tại Khu kỹ nghệ Biên Hòa, một trong 3 khu công nghiệp lớn nhất miền Nam lúc bấy giờ, Ban Công vận Thành ủy giao cho đồng chí Tôn Văn Điều tổ chức mua vải và vợ ông là bà Hạnh may cờ để chuẩn bị nổi dậy chiếm các xưởng.

6 giờ sáng 30 – 4 – 1975, đảng viên mật **Trương Thị Sáu** (chi bộ Đảng chợ Biên Hòa) được anh Muộn, cơ sở nội tuyến bảo vệ đã hạ cờ ba que thượng cờ Tổ quốc ở Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa, giải phóng hoàn toàn miền Nam lá cờ cách mạng phát phới tung bay trên dinh tỉnh trưởng Biên Hòa. Đây là một điểm son chói

lợi ghi đậm dấu ấn lịch sử trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Biên Hòa-Đồng Nai, là tài sản vô giá của quê hương, là niềm tự hào của thế hệ chúng cháu hôm nay.

Vào lúc 10 giờ 30 ngày 30-4-1975, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Biên Hòa cùng Trung đoàn 5, Sư đoàn 6 tiến vào Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa trước “rừng” người và cờ hoa chào đón dọc hai bên đường, không khí chiến thắng tràn ngập khắp nơi. Từ ngoại ô cho đến trung tâm thành phố, đồng bào kéo nhau ra đường tay trong tay với cờ hoa nhộn nhịp chào mừng quân giải phóng. Hàng trăm xe máy chạy theo xe bộ đội đến Công trường Sông Phố.



Nhân dân vui mừng sau khi Biên Hòa hoàn toàn giải phóng năm 1975.

ảnh Thanh Hải Báo Đồng Nai

Chiến thắng 30/4 là một trong những mốc son chói lọi nhất trong lịch sử của dân tộc ta. Đó là biểu tượng sáng ngời của Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, đỉnh cao của khí phách và trí tuệ của con người Việt Nam. Kể từ ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, cả dân tộc kiên cường chiến đấu hy sinh để đi tới thắng lợi trọn vẹn “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, “Bắc Nam sum họp”...

Chiến thắng 30/4 là chiến thắng của nội lực Việt Nam, của truyền thống văn hoá dân tộc, của sự lãnh đạo tài tình, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, đồng thời là sự ủng hộ giúp đỡ tận tình của bạn bè quốc tế, của các nước Xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ.

Với thế hệ chúng cháu, ngày 30/4/1975 là một ngày lịch sử trọng đại. Đó là ngày mà chiến tranh dần đi vào dĩ vãng, đất nước sạch bóng thù xâm lược, hoà bình trở lại trên toàn cõi Việt Nam. Đó là ngày đoàn tụ: Non sông thu về một mối, Bắc - Nam liền một dải; vĩ tuyến 17 ngang dòng sông Bến Hải nay là di tích lịch sử.

Ngày 30/4 là ngày hoà hợp dân tộc, từng gia đình và cả dân tộc sum họp dưới mái nhà Việt Nam, người một nước cùng nhìn về một hướng, cùng chung một con đường... hoà hợp dân tộc đã hoá giải xung đột, xoá bỏ hận thù, để cùng nhau bước vào kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên hoà bình, thống nhất, độc lập, tự do cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước ấm no, hạnh phúc...

Có trải qua những năm tháng chiến tranh, chứng kiến cảnh đất nước hai miền Nam - Bắc chia cắt mới thấy ý nghĩa to lớn của chiến thắng 30/4, mới cảm nhận hết giá trị của những năm tháng hoà bình và sự thống nhất, toàn vẹn Tổ quốc. Vì cuộc sống hoà bình và toàn vẹn lãnh thổ mà cả dân tộc tiến hành cuộc kháng

chiến trường kỳ 30 năm kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam. Vì thế, hơn ai hết, người Việt Nam càng quý trọng những ngày tháng hôm nay, càng trân trọng những thành quả có được sau gần 30 năm đất nước đổi mới trong bối cảnh đất nước hòa bình, xã hội ổn định, phồn vinh.

Tinh thần chiến thắng 30/4 đang cổ vũ chúng ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hôm nay. Ý chí quyết chiến quyết thắng thôi thúc chúng ta không cam chịu cảnh nghèo nàn lạc hậu, chậm phát triển. Tính sáng tạo, tranh thủ thời cơ giúp chúng ta biến thách thức thành cơ hội, xoay chuyển tình thế, vượt lên khó khăn, ổn định nền kinh tế trong giai đoạn khó khăn hiện nay... và nữa, bài học cho chúng cháu về sức mạnh hoà hợp và đoàn kết toàn dân tộc là nền tảng để chúng cháu tiếp tục học tập và noi gương.

Chiến tranh đã lùi xa, chúng ta càng gìn giữ và phát huy tối đa giá trị tinh thần mà ngày chiến thắng 30/4 mang lại trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng tỉnh Đồng Nai, thống nhất đất nước và phát huy sức mạnh, để dân tộc Việt Nam mãi mãi hoà bình, thịnh vượng và phát triển.

Ôn lại quá khứ để tự hào tiếp bước ở hiện tại và hướng đến tương lai. Kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chiến thắng đã thuộc về những người lính Cụ Hồ, trong đó có sự góp sức to lớn và tích cực của quân và dân Biên Hòa - Đồng Nai./.



Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh



Ngày 9/4/1975, Bộ đội Quân đoàn 4 tiến công vào thị xã Xuân Lộc

(Ảnh Tư liệu Bảo tàng Đồng Nai)

Tài liệu tham khảo:

- 1/ Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, Nhà xuất bản Đồng Nai 1998.
- 2/ Lịch sử đảng bộ đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai 3 tập
- 3/ Huỳnh Văn Nghệ tác giả và tác phẩm tập I,II, Nhà xuất bản Đồng Nai. Bùi Quang Huy,1997
- 4/ Địa chí Đồng Nai- tập 3: Lịch sử, chương 6: thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.
- 5/ <http://www.tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn>
- 6/ <http://dost-dongnai.gov.vn>
- 7/ <http://www.baodongnai.com.vn>.
- 8/ <http://www.thuviendongnai.gov.vn>.
- 9/ Bách khoa toàn thư mở Wikipedia
- 10/ Cuộc đời và sự nghiệp Huỳnh Văn Nghệ, Lê Thị Thanh Hải WWW. Phatgiaobaclieu. Com/ content/ View/2389/51.
- 11/ Tham khảo tư liệu, hiện vật Bảo tàng Đồng Nai.

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: **LƯU TRẦN KHÁNH HẠ; Lớp 9/9**

Ngày sinh: ngày 05 tháng 6 năm 2002

Giới tính: Nữ

Dân tộc: Kinh

Học sinh; Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo

Nơi thường trú: Tổ 32, khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: **01283567940; 0909915910**